TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Lập

2. Bà Hồ Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thu Trang-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn";* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ 7A, khu 9B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh *(vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Kh, sinh năm: 1981; địa chỉ: tổ 15, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh *(vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị L khai: chị và anh Nguyễn Đình Kh tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) xã V, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 19-10-2006. Sau khi kết hôn, chị và anh Kh chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình chồng ở tổ 15, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2019, chị và anh Kh phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau về kinh tế và về việc giáo dục các con chung, khiến cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị đã cố gắng

chịu đựng, nhẫn nhịn nhiều năm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được với nhau. Chị cùng các con đã chuyển đi nơi khác sinh sống và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh. Chị và anh Khcó 04 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, sinh ngày 09-7-2007, Nguyễn Vũ Minh Kh1, sinh ngày 05-11-2011, Nguyễn Vũ Thảo M, sinh ngày 27-9-2016 và Nguyễn Đình Ch, sinh ngày 04-6-2021. Hiện nay sức khỏe của 04 con chung bình thường, 04 con chung đang sinh sống cùng chị, do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả 04 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh Khphải cấp dưỡng nuôi các con chung. Hiện nay chị đang mở cửa hàng kinh doanh sơn với mức thu nhập trung bình khoảng 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*/tháng, đủ để nuôi dưỡng các con chung. Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-02-2025, bị đơn là anh Nguyễn Đình Kh khai: Anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 19-10-2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc; đến ngày 28-02-2022, anh và chị L phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình khiến cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh và chị L đã sống ly thân, không còn có trách nhiệm gì với nhau từ ngày 26-03-2022 đến tháng 02-2025. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị L. Anh và chị L có 04 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, sinh ngày 09-7-2007, Nguyễn Vũ Minh Kh1, sinh ngày 05-11-2011, Nguyễn Vũ Thảo Minh, sinh ngày 27-9-2016 và Nguyễn Vũ Đình Chung, sinh ngày 04-6-2021. Hiện nay 04 con chung có sức khỏe bình thường và đang sinh sống cùng anh, do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 04 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Hiện nay, anh kinh doanh tự do với mức thu nhập trung bình khoảng 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng)*/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung. Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí. Anh đã nhận được bản sao các tài liệu L quan đến việc chị L khởi kiện. Anh không phản tố gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại các biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 21-3-2025, các con chung là các cháu Nguyễn Vũ Thùy Dương, Nguyễn Vũ Minh Kh1 và Nguyễn Vũ Thảo M đều có ý kiến thống nhất xác định các cháu là con chung của chị L và anh Kh, sức khỏe của các cháu hoàn toàn bình thường. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị L tại tổ 7A, khu 9B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Các cháu đều có nguyện vọng được mẹ là chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên.

Tại biên bản làm việc ngày 01-4-2025, đại diện tổ 7A, khu 9B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 do chị Vũ Thị L cung cấp thể hiện chị L và anh Nguyễn Đình Kh đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 19-10-2006. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Kh như thế nào thì tổ dân khu phố không rõ. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng năm 2019 thì chị L và các con đã chuyển về cư trú tại tổ 7A, khu 9B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và sống ly thân với anh Kh. Khoảng hơn 01 năm nay, anh Kh không đến thăm chị L và các con chung. Nay chị L xin ly hôn với anh Kh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh Kh có 04 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, sinh ngày 09-7-2007, Nguyễn Vũ Minh Kh1, sinh ngày 05-11-2011, Nguyễn Vũ Thảo M, sinh ngày 27-9-2016 và Nguyễn Đình Ch, sinh ngày 04-6-2021. Hiện nay sức khỏe của 04 con chung bình thường, các con chung đang sinh sống cùng chị L. Đề nghị Tòa án giao các con chung cho người có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung của chị L và anh Kh thì tổ dân khu phố không rõ.

Toà án đã thông báo cho các đương sự có mặt tại trụ sở Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị L có mặt, còn anh Kh vắng mặt không lý do. Do chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L và anh Kh đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị L vẫn giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự về cơ bản đã chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Toà án căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình Kh. Giao 04 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, sinh ngày 09-7-2007, Nguyễn Vũ Minh Kh1, sinh ngày 05-11-2011, Nguyễn Vũ Thảo M, sinh ngày 27-9-2016 và Nguyễn Đình Ch, sinh ngày 04-6-2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Toà án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

〔1〕 Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn là chị Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Đình Kh hiện đang cư trú tại tổ 15, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị L và anh Kh vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

〔2〕 Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Đình Kh tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 19-10-2006; nên hôn nhân của chị L và anh Kh là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị L và anh Kh sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống; chị L và anh Kh đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau; nên chị L và anh Kh đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh. Anh Kh cũng có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị L. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Kh, còn anh Kh vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, được Toà án chấp nhận.

- Về con chung: theo chị L khai, chị và anh Kh có 04 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Thùy D, sinh ngày 09-7-2007, Nguyễn Vũ Minh Kh1, sinh ngày 05-11-2011, Nguyễn Vũ Thảo M, sinh ngày 27-9-2016 và Nguyễn Đình Ch, sinh ngày 04-6-2021; hiện nay, sức khỏe các con chung hoàn toàn bình thường. Lời khai của chị L phù hợp với 04 bản sao giấy khai sinh của các cháu D, Kh1, Minh và Ch. Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh cũng thừa nhận anh và chị L có 04 con chung như chị L đã khai, nhưng tên họ và tên của con trai út là Nguyễn Vũ Đình Ch. Tòa án xét thấy, theo bản sao giấy khai sinh số 44 do UBND phường T đăng ký ngày 18-6-2021 thể hiện: cháu Chung có họ và tên đầy đủ là Nguyễn Đình Ch là đúng sự thật.

Theo chị L khai, sau khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung; hiện nay sức khỏe của các con chung hoàn toàn bình thường. Lời khai của chị L phù hợp với lời khai của các con chung Nguyễn Vũ Thùy D, Nguyễn Vũ Minh Kh1, Nguyễn Vũ Thảo M và phù hợp với biên bản làm việc ngày 01-4-2025 tại tổ 7A, khu 9B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh khai, hiện nay anh là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Nhưng ngoài lời khai ra, anh Kh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên không được Tòa án chấp nhận.

Ly hôn, chị L và anh Kh đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao 04 con chung cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên. Sau khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung. Tại các biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 21-3-2025, các con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, Nguyễn Vũ Minh Kh1 và Nguyễn Vũ Thảo M đều có nguyện vọng muốn được mẹ là chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Hiện nay chị L đang kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh sơn với mức thu nhập trung bình khoảng 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*/tháng, mặc dù chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập cụ thể nhưng đây là thu nhập thực tế mà chị L có được từ công việc kinh doanh của mình, đủ để trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giao 04 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, Nguyễn Vũ Minh Kh1, Nguyễn Vũ Thảo M và Nguyễn Đình Ch cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị L không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Kh đề nghị Tòa án giao 04 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên nhưng anh Kh không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh công việc và mức thu nhập để đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, nên không được Tòa án chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Toà án không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị L và anh Kh là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

〔3〕 Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6

và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 20-02-2025, chị L đã nộp đủ án phí.

〔4〕 Về quyền kháng cáo: Chị L, anh Kh có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình Kh.

- Về con chung: giao 04 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D, sinh ngày 09-7-2007, Nguyễn Vũ Minh Kh1, sinh ngày 05-11-2011, Nguyễn Vũ Thảo M, sinh ngày 27-9-2016 và Nguyễn Đình Ch, sinh ngày 04-6-2021 cho chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Nguyễn Đình Kh không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Toà án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001713 ngày 20-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Đình Kh có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP H;*
- *Chi Cục THADS TP H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga